

GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ GIỮA DÂN TỘC THIẾU SỐ VỚI TÔN GIÁO TRÊN PHƯƠNG DIỆN CHÍNH SÁCH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Phạm Thanh Hằng^(*)

(*) Tiến sĩ, Viện Tôn giáo và tín ngưỡng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Email: thanhhanghh2015gmail.com

Tóm tắt: Mối quan hệ giữa dân tộc/tộc người thiểu số với tôn giáo luôn là vấn đề hết sức phức tạp trong các mối quan hệ xã hội. Việc giải quyết ổn thỏa mối quan hệ này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với các quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo như Việt Nam. Bài viết đề xuất các giải pháp khả thi trong tổ chức thực hiện các chính sách xã hội nhằm xây dựng mối quan hệ khăng khít giữa dân tộc/tộc người thiểu số với tôn giáo, đảm bảo ổn định an ninh chính trị và phát triển bền vững đất nước.

Từ khóa: giải pháp, tổ chức thực hiện, chính sách xã hội, quan hệ, dân tộc/tộc người thiểu số, tôn giáo.

Ngày nhận bài: 25/02/2024; ngày phản biện: 26/02/2024; ngày sửa chữa: 24/03/2024; ngày duyệt đăng: 15/04/2024.

1. Mở đầu

Chính sách xã hội đúng đắn, phù hợp và tổ chức thực hiện chính sách xã hội hiệu quả chính là động lực mạnh mẽ khơi dậy mọi tiềm năng, sức mạnh của các nguồn lực trong xã hội, hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững đất nước. Trong suốt hơn 35 năm đổi mới đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn xác định mục tiêu nhất quán là củng cố, phát triển cộng đồng các dân tộc trên đất nước ta, trong đó đặc biệt coi trọng đầu tư phát triển, tạo chuyển biến căn bản trên mọi phương diện của đời sống xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng tập trung đông đồng bào có đạo nhằm đảm bảo thiết lập mối

quan hệ hài hòa giữa dân tộc/tộc người thiểu số với tôn giáo.

2. Giải quyết mối quan hệ giữa dân tộc/tộc người thiểu số với tôn giáo trên phương diện chính sách - những vấn đề đặt ra hiện nay

Chính sách xã hội (*Social policy*) là một kế hoạch hay một chương trình hành động của chính phủ hoặc chính quyền (các cơ quan thiết chế) nhằm mục đích cải thiện hoặc cải cách xã hội. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách xã hội có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm hướng tới phát triển xã hội một cách bền vững, đảm bảo công bằng, bình đẳng, tiến bộ, phù hợp với điều kiện lịch sử và truyền thống văn hóa của dân tộc.

Tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xét một cách tổng thể, các chính sách xã hội được triển khai tích cực, toàn diện không chỉ làm thay đổi căn bản diện mạo đời sống vật chất cho đồng bào các dân tộc, mà còn góp phần nâng cao đời sống tinh thần, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo của họ, góp phần giải quyết tốt mối quan hệ giữa dân tộc/tộc người thiểu số với tôn giáo.

Tuy nhiên, cũng cần nhận thấy một thực tế rằng, hiện nay đời sống của một bộ phận dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo tiêu chí mới còn khá cao do khả năng thích ứng với nền kinh tế thị trường còn chậm, sản xuất nông nghiệp theo phương thức canh tác cũ vẫn chi phối lớn đến cách nghĩ, cách làm của đồng bào và thiếu ý thức tự vươn lên làm giàu, chủ yếu trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

Bên cạnh đó, do tính đặc thù về sự gắn kết giữa vấn đề dân tộc/ tộc người thiểu số với vấn đề tôn giáo ở Việt Nam (cộng đồng Khmer gắn với Phật giáo Nam Tông, cộng đồng Chăm gắn với Bà la môn giáo và Islam giáo, cộng đồng các dân tộc thiểu số ở khu vực Trường Sơn và Tây Nguyên và khu vực miền núi phía Bắc gắn với Công giáo, Tin Lành, Phật giáo và các hiện tượng tôn giáo mới), cho nên, khi sinh kế khó khăn, trình độ dân trí của đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp, khả năng tiếp cận thông tin còn nhiều hạn chế thì sẽ tất yếu tạo cơ hội thuận lợi cho các hoạt động lợi dụng, kích động, lôi kéo của các lực lượng cực đoan tôn giáo chống phá Đảng và Nhà nước ta trên lĩnh vực an ninh chính trị.

Nguy hại nhất là mưu đồ “tôn giáo hóa vùng dân tộc thiểu số”, kích động

lòng thù hận dân tộc, làm xuất hiện chủ nghĩa dân tộc cực đoan, tạo rạn nứt từ bên trong, phá vỡ sự đoàn kết dân tộc, tôn giáo, gây nguy hại đến an ninh quốc gia. Một bộ phận tu sĩ, chức sắc tôn giáo nhận được sự hậu thuẫn từ phía các tổ chức cực đoan trong và ngoài nước cố tình xuyên tạc vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam, kích động tín đồ đòi “tự do tôn giáo” và “quyền tự trị dân tộc”. Tại Tây Nam Bộ, họ đòi thành lập “Nhà nước Khmer Krom” với “Phật giáo riêng của người Khmer”. Tại Tây Nguyên, họ yêu sách với chính quyền đòi thành lập “Nhà nước Đê Ga độc lập” với quốc giáo là Tin Lành Đê Ga. Tại Tây Bắc và Tây Nghệ An, họ lập đạo Vàng Chứ để thành lập “Vương quốc Mông tự trị”. Những hoạt động phức tạp của một số tôn giáo nói trên đã và đang ảnh hưởng xấu đến vấn đề an ninh quốc gia và trật tự xã hội.

Chính vì vậy, vấn đề đặt ra đối với Đảng, Nhà nước và cả hệ thống chính trị đó là tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và triển khai đồng bộ các chính sách xã hội nhằm bảo đảm phát huy tối đa những nhân tố tích cực trong đặc điểm mối quan hệ giữa dân tộc/tộc người thiểu số với tôn giáo đồng thời hạn chế đến mức thấp nhất những nhân tố tác động tiêu cực từ mối quan hệ vốn khá phức tạp, nhạy cảm này.

2. Giải quyết mối quan hệ giữa dân tộc/tộc người thiểu số với tôn giáo trên phương diện chính sách: một số giải pháp cơ bản

Để tổ chức thực hiện các chính sách xã hội nhằm giải quyết tốt mối quan hệ giữa dân tộc/tộc người thiểu số với tôn giáo, cần thiết phải thực hiện một số giải pháp cơ bản sau đây:

Một là, thực hiện nhất quán chính sách bình đẳng, đoàn kết dân tộc, tôn giáo.

Bình đẳng dân tộc, tôn giáo nghĩa là các dân tộc, tôn giáo đều có địa vị bình đẳng như nhau trước pháp luật, không phân biệt lịch sử hình thành sớm hay muộn, đa số hay thiểu số, trình độ văn hóa, dân trí cao hay thấp,... Nhà nước không thiên vị, phân biệt đối xử với bất kỳ dân tộc, tôn giáo nào. Họ được hưởng những quyền lợi như nhau và phải thực hiện những nghĩa vụ tương ứng trên mọi phương diện của đời sống xã hội. Thực hiện bình đẳng dân tộc, tôn giáo tạo cơ sở quan trọng cho đoàn kết dân tộc, tôn giáo.

Việt Nam là một quốc gia thống nhất với 54 dân tộc cùng sinh sống, trong đó có 53 dân tộc thiểu số. Các dân tộc đều có truyền thống lịch sử, văn hóa, ngôn ngữ, chữ viết, tín ngưỡng, tôn giáo riêng. Đồng bào các dân tộc, tôn giáo là một bộ phận quan trọng không tách rời trong khối đại đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Đảng và Nhà nước ta trong các giai đoạn lịch sử đều nhấn mạnh nội dung cơ bản là “bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau cùng phát triển”. Bước vào thời kỳ đổi mới đất nước, ngay từ Đại hội VI năm 1986, Đảng ta đã xác định: “sự phát triển mọi mặt của từng dân tộc đi liền với sự củng cố phát triển của cộng đồng các dân tộc trên đất nước ta. Sự tăng cường tính cộng đồng, tính thống nhất là quá trình hợp quy luật, nhưng tính cộng đồng, tính thống nhất không mâu thuẫn, không bài trừ tính đa dạng, tính độc đáo của mỗi dân tộc”. Gần đây nhất, Văn kiện Đại hội lần thứ XIII nhấn mạnh: “bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển... Nghiêm trị mọi âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc”. Riêng đối với đồng bào các tôn giáo, trên cơ sở thừa nhận, tôn trọng quyền tự

do tôn giáo, tín ngưỡng như một nhu cầu tinh thần chính đáng, không thể thiếu của nhân dân, Nghị quyết số 25-NQ/TW năm 2003 khẳng định: “đồng bào các tôn giáo là một bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc”, “các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bình đẳng trước pháp luật”.

Trong thời gian tới, nhằm thu phục được trái tim, khối óc của đồng bào đồng bào các dân tộc, tôn giáo, “khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân” cho “khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”, cần tiếp tục quán triệt thực hiện nhất quán chính sách bình đẳng, đoàn kết dân tộc, tôn giáo, “làm cho miền núi tiến kịp miền xuôi”, thúc đẩy giao lưu, hợp tác giữa các nhóm dân tộc, tôn giáo, vùng, miền, tạo dựng tâm lý đồng thuận, yêu thương, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển (Nguyễn Thị Tú Oanh 2022: 26). Nhờ đó, mối quan hệ tốt đẹp giữa các tộc người - tôn giáo được giải quyết hài hòa trên cơ sở phát triển bền vững, nhằm góp phần vào thắng lợi của chiến lược đại đoàn kết dân tộc luôn được coi là động lực chủ yếu, nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Hai là, quan tâm chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, tôn giáo tại các vùng dân tộc thiểu số, trong đó chú trọng tận dụng nguồn lực tại chỗ, sử dụng trực tiếp cán bộ là người dân tộc thiểu số làm công tác dân tộc, tôn giáo.

Hiện nay, đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, tôn giáo tại cơ sở nói chung và tại các xã, huyện vùng dân tộc thiểu số nói riêng còn thiếu và yếu cả về trình độ chuyên môn lẫn nghiệp vụ công tác do không được đào tạo bài bản, chủ yếu

làm nhiệm vụ, chính sách đãi ngộ chưa đủ mạnh để khuyến khích họ vượt qua khó khăn, rào cản công hiến cho những địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Hơn nữa, chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác dân tộc, tôn giáo chưa thực sự gắn kết với công tác quy hoạch và yêu cầu thực tiễn tại các địa phương, chủ yếu là các lớp bồi dưỡng kiến thức ngắn hạn mà thiếu chiến lược dài hạn để đảm bảo các tiêu chí về năng lực làm việc, kỹ năng giải quyết thỏa đáng các vấn đề dân tộc, tôn giáo. Nội dung và phương pháp đào tạo mặc dù đã có nhiều cải tiến nhưng vẫn chủ yếu áp dụng đại trà cho tất cả các vùng, miền, khu vực và thiên về lý luận chung, nguyên lý, nguyên tắc, mà thiếu những nội dung cụ thể về đặc điểm, tình hình tại địa phương, quản trị, quản lý phát triển, các kỹ năng quản lý xã hội và xử lý rủi ro, các kỹ năng tổ chức điều hành và thực hiện chính sách,... Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền địa phương còn chưa thực sự đầy đủ, đôi khi xem nhẹ, chưa thấy rõ tầm quan trọng của công tác dân tộc, tôn giáo.

Do đó, trong công tác đào tạo cán bộ làm công tác dân tộc, tôn giáo tại các vùng dân tộc thiểu số cần những giải pháp chiến lược thực sự căn cơ: 1) Tập trung vào việc ban hành chính sách riêng nhằm hoàn thiện khung pháp lý cho các khu vực dân tộc, đảm bảo tính đặc thù phù hợp, tính hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng các mục tiêu đề ra về cơ cấu, số lượng và chất lượng cán bộ; 2) Gắn kết công tác tuyển dụng, quy hoạch với công tác đào tạo, bồi dưỡng. Nguồn tuyển dụng cần được rà soát theo các nhóm đối tượng, dựa trên yêu cầu, tiêu chuẩn để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với từng cấp, từng

chức danh. Quy hoạch phải đảm bảo về tính lâu dài, có đội ngũ tại chức, đội ngũ kế cận và đội ngũ nguồn dài hạn; 3) Chú trọng đào tạo và tận dụng, sử dụng hiệu quả nguồn cán bộ tại chỗ là người dân tộc thiểu số bởi họ là người nắm rõ nhất về đặc điểm lịch sử, văn hóa, phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo của dân tộc mình, không ai hiểu cộng đồng dân tộc/ tộc người bằng chính cộng đồng đó, bằng chính những con người cụ thể trong cộng đồng dân tộc đó (Phạm Đi 2027); 4) Có chính sách đãi ngộ thích đáng để thu hút cán bộ tích cực học tập, nâng cao trình độ, sẵn sàng đảm nhận các vị trí công tác trong lĩnh vực dân tộc, tôn giáo ở các khu vực xa trung tâm, điều kiện khó khăn, thiếu thốn; 5) Xây dựng nội dung, chương trình đào tạo phù hợp với từng nhóm đối tượng và từng khu vực, vùng miền, ngoài nội dung chính sách, pháp luật về công tác dân tộc, tôn giáo, cần bổ sung kiến thức về lịch sử, địa lý vùng và địa phương, phương pháp công tác dân tộc - dân vận, kỹ năng xử lý điểm nóng tôn giáo,...

Ba là, triển khai hiệu quả các dự án phát triển giáo dục, y tế tại các vùng dân tộc thiểu số tập trung đông đồng bào tôn giáo.

Phát triển mạnh mẽ giáo dục vùng dân tộc thiểu số tập trung đông đồng bào tôn giáo thông qua việc xây dựng luật pháp và các chính sách có liên quan. Liên quan đến giáo dục dân tộc, Điều 61 Hiến pháp Việt Nam năm 2013 quy định: “Nhà nước ưu tiên phát triển giáo dục ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn...” (Hiến pháp Việt Nam năm 2023). Luật Giáo dục sửa đổi năm 2018 (các điều 16, 60) quy định về việc Nhà nước ưu tiên đầu tư cho phổ cập giáo dục, phát triển giáo dục ở khu

vực miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Nhà nước thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học cho con em dân tộc thiểu số, con em gia đình các dân tộc định cư lâu dài tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, ưu tiên bố trí giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị và ngân sách nhằm góp phần tạo nguồn đào tạo cán bộ cho các vùng này (Luật giáo dục sửa đổi năm 2018).

Nhằm từng bước cải thiện vấn đề giáo dục tại các vùng dân tộc thiểu số tập trung đồng đồng bào tôn giáo, giảm thiểu tỷ lệ bỏ học, nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của học sinh, bên cạnh việc đảm bảo thực hiện đúng các quy định của Luật, Nhà nước cần đẩy mạnh thực hiện các dự án và thành lập các quỹ đầu tư trọng điểm cho giáo dục (bao gồm hỗ trợ nguồn lực tài chính, tuyên truyền nâng cao nhận thức, phát triển thêm hệ thống các trường nội trú cấp huyện, trung tâm cụm xã, cải thiện cơ sở hạ tầng của các trường học dân tộc, tăng cường đào tạo và đãi ngộ đối với giáo viên vùng dân tộc,...) để đạt tới mục tiêu ngắn hạn là phổ cập giáo dục và mục tiêu dài hạn là nâng cao trình độ dân trí cho đồng bào dân tộc có tôn giáo.

Trên lĩnh vực y tế, ngoài việc tập trung xây dựng, mở rộng cơ sở y tế, khám chữa bệnh, bảo đảm thuốc phòng và chữa bệnh, cần thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế “thông tuyến” (từ tuyến xã đến tuyến huyện, tỉnh) để tạo ra sự bình đẳng trong tiếp cận các điều kiện khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe, dịch vụ y tế và thụ hưởng các tiến bộ về y tế cho đồng bào dân tộc thiểu số có tôn giáo. Cần cải cách và đơn giản hóa các

thủ tục mua, thanh toán bảo hiểm y tế, triển khai tốt chính sách bảo hiểm y tế cho người nghèo, cận nghèo, trẻ em, người già và các đối tượng dễ bị tổn thương. Thêm nữa, cần tăng cường chính sách đào tạo, thúc đẩy đề án luân phiên có thời hạn cán bộ từ bệnh viện tuyến trên về hỗ trợ các bệnh viện tuyến dưới, chuyển giao kỹ thuật tuyến trên cho tuyến dưới để nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh. Tại địa bàn các xã, cần tiếp tục tăng tỷ lệ độ bao phủ các trạm y tế xã có bác sỹ; khuyến khích các bác sỹ trẻ tình nguyện về đóng góp cho các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn thông qua chính sách thu hút, đãi ngộ của Nhà nước (Nguyễn Văn Huân 2018: 79-80).

Bốn là, thúc đẩy các chính sách dân số, chính sách lao động và việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số có tôn giáo.

Chính sách dân số cần chú trọng bảo đảm nâng cao chất lượng dân số, phát triển dân số hợp lý theo từng nhóm dân tộc/tộc người - tôn giáo phù hợp với quy định của pháp luật (nhất là đối với các nhóm dân tộc/ tộc người - tôn giáo có dưới 10.000 người). Đối với các nhóm có tỷ lệ sinh cao cần kiểm soát để hạn chế dân số tăng cao sẽ dẫn đến đói nghèo, lạc hậu, làm suy giảm chất lượng dân số. Tại một số vùng, tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết cần được hạn chế (Nguyễn Lâm Thành 2017).

Chính sách lao động và việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số có tôn giáo không nằm ngoài các chính sách ưu tiên của Nhà nước đối với lao động và việc làm tại các vùng dân tộc thiểu số. Mặc dù những năm qua, Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách ưu tiên hỗ trợ đặc biệt đối với vùng dân tộc thiểu số, nhất là về lao động, dạy nghề và việc

làm, nhưng sự bố trí việc làm sau đào tạo còn nhiều hạn chế. Nguyên nhân là do đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta, trong đó có cả đồng bào dân tộc thiểu số có tôn giáo, chủ yếu cư trú phân tán, trình độ phát triển kinh tế - xã hội còn thấp kém, chất lượng nguồn nhân lực dân tộc thiểu số (cả về thể lực và trí lực) còn chưa cao, rào cản về ngôn ngữ dẫn tới khả năng tiếp cận thông tin còn thấp, đồng bào chủ yếu tập trung làm việc trong khu vực nông nghiệp và lâm nghiệp chịu nhiều tác động của thiên tai, khí hậu khắc nghiệt. Những nhân tố (cả về phía chủ quan và khách quan) kể trên khiến cho tình trạng thiếu việc làm, nhất là ở thanh niên ngày càng trầm trọng. Theo kết quả điều tra của quý 2/2018 cho thấy, cả nước hiện có khoảng 313.000 thanh niên nông thôn đang thiếu việc làm và thất nghiệp. Hiện tại nhiều thanh niên nông thôn, trong đó có thanh niên dân tộc thiểu số tốt nghiệp ra trường gặp khó khăn¹.

Do vậy, để khắc phục tình trạng thất nghiệp và tạo thêm cơ hội việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và đồng bào dân tộc thiểu số có tôn giáo nói riêng, chúng ta cần thực hiện tốt một số giải pháp như sau: 1) Nhà nước cần quy định rõ tỷ lệ việc làm dành cho đồng bào dân tộc thiểu số là bao nhiêu, riêng đối với việc lựa chọn và tuyển dụng công chức Nhà nước cũng cần xác định rõ tỷ lệ để đảm bảo tỷ lệ người đồng bào thiểu số có tôn giáo nhất định tham gia vào bộ máy công quyền; 2) Đẩy mạnh xã hội hóa để tăng nguồn vốn đầu tư dạy nghề cho người lao động dân tộc thiểu số có tôn giáo tại các địa phương. Thành lập các trung tâm đào tạo, bồi dưỡng nghề cho thanh niên dân tộc miền núi có tôn giáo để nâng cao trình độ, kỹ năng việc làm,

tăng cường khả năng tự tìm việc làm của họ; 3) Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tốt hai chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới, trong đó cần đặc biệt quan tâm đến việc đào tạo nghề, tổ chức việc làm gắn với xây dựng làng nghề mới, “cây nghề” trong khu vực đông thanh niên là người dân tộc thiểu số có tôn giáo sinh sống (Đỗ Thị Hải Hà và cộng sự 2020: 86); 4) Tập trung khai thác thế mạnh của các vùng dân tộc có tôn giáo tại các địa phương để phát triển các ngành nghề sản xuất, thu hút nhiều lao động. Phát triển kinh tế rừng, giao rừng và khoán bảo vệ rừng cho cộng đồng dân tộc thiểu số, phát triển mô hình kinh tế nông - lâm kết hợp với du lịch tâm linh, sinh thái và văn hóa, đảm bảo giữ được rừng và không làm tổn hại đến môi trường (Phạm Văn Hồ 2011); 5) Mở rộng thị trường lao động, cung cấp nhiều cơ hội việc làm cho dân tộc thiểu số thông qua chương trình kết nối doanh nghiệp. Việc mở rộng mạng lưới kết nối giữa hệ thống các trường học và đào tạo nghề cho đồng bào dân tộc thiểu số với doanh nghiệp trong nước và nước ngoài giúp đa phần học sinh, sinh viên (phần lớn là trình độ sơ cấp và trung cấp) sau khi tốt nghiệp ra trường được chuyển sang làm việc tại các doanh nghiệp. Mô hình đào tạo theo đơn đặt hàng này đã được thực hiện thành công bước đầu ở một số tỉnh miền núi nước ta, như Hà Giang, Điện Biên; 6) Thực hiện chính sách hỗ trợ xuất khẩu lao động tại các khu vực dân tộc thiểu số có tôn giáo đặc biệt khó khăn. Nhà nước tập trung hỗ trợ nguồn kinh phí ban đầu, như kinh phí đào tạo, kinh phí đi

¹ Dẫn theo: *Nhiều giải pháp giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số*, <http://danvan.vn>.

lại,... để tạo thêm nguồn việc làm cho thanh niên là người dân tộc thiểu số có tôn giáo tại nước ngoài (Phạm Thanh Hằng 2019: 101).

Năm là, tăng cường chính sách xóa đói giảm nghèo bền vững, thúc đẩy phát triển nông thôn ở các vùng dân tộc thiểu số có tôn giáo, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo trong xã hội.

Những năm qua, nhờ đẩy mạnh các chương trình, dự án xây dựng nông thôn mới, xóa đói giảm nghèo của Nhà nước, nên các huyện, xã vùng dân tộc thiểu số đã từng bước đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, bước đầu hình thành các vùng sản xuất chuyên canh với sản lượng hàng hóa khá lớn, góp phần tăng thu nhập cho người dân, giảm đáng kể tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm. Tuy nhiên, những hạn chế, bất cập còn tồn đọng là sự phối kết hợp giữa các ngành chưa thực sự đồng bộ, việc phân công nhiệm vụ cho cán bộ cấp cơ sở còn chưa thực sự rõ ràng; công tác tuyên truyền chưa đạt hiệu quả như mong muốn dẫn tới việc người dân không hiểu rõ về chính sách hỗ trợ giảm nghèo; việc lồng ghép các chương trình, dự án giảm nghèo còn chông chéo, thiếu đồng bộ, bố trí kinh phí và giải ngân trong chính sách hỗ trợ còn chậm; việc áp dụng thành tựu khoa học công nghệ còn manh mún nên chưa tạo thành vùng sản xuất hàng hóa lớn,... (Lê Thị Kiều Oanh 2016: 93-94).

Trong các giai đoạn tiếp theo, để thực hiện hiệu quả chính sách xóa đói giảm nghèo bền vững, thúc đẩy phát triển nông thôn ở các vùng dân tộc thiểu số có tôn giáo nên chẳng cần thực hiện tốt các nội dung sau: 1) Hoàn thiện cơ chế, chính sách, nâng cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền và các cấp, các ngành về xóa đói giảm

nghèo bền vững; đẩy mạnh phân cấp quản lý trong việc thực hiện các chương trình, dự án cho vay, đảm bảo tính công khai, minh bạch; cải tiến quy trình, thủ tục cho vay vốn ưu đãi hộ nghèo theo hướng đơn giản, thuận tiện; chú trọng hướng dẫn chuyển giao kỹ thuật và kinh nghiệm sản xuất cho người nghèo; 2) Phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, xây dựng nông thôn mới, tạo nền tảng cho giảm nghèo bền vững; 3) Nhân rộng các mô hình giảm nghèo bền vững đã thực hiện thành công tại các khu vực dân tộc thiểu số (như mô hình chăn nuôi tập trung, mô hình rừng phòng hộ, rừng sinh thái, mô hình nông trường cà phê, cao su, mô hình đôi chè,...); 4) Huy động các nguồn lực phục vụ xóa đói, giảm nghèo, không chỉ từ các nguồn vốn ưu đãi của Quỹ xóa đói giảm nghèo, Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm, Quỹ tín dụng của các đoàn thể, Ngân hàng chính sách xã hội, mà còn cần huy động nguồn vốn trong nhân dân, đóng góp của các tổ chức kinh tế - xã hội trong và ngoài địa bàn, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức từ thiện quốc tế; 5) Kiện toàn bộ máy của Ban chỉ đạo giảm nghèo bền vững theo hướng tăng hiệu lực, hiệu quả, tăng tính chịu trách nhiệm trong hoạt động tổ chức thực hiện công tác giảm nghèo bền vững. Ban chỉ đạo cần thường xuyên phát động các phong trào thi đua yêu nước để thực hiện nhiệm vụ giảm nghèo; tuyên truyền, thông tin đầy đủ đến tận các xã, bản làng vùng sâu, vùng xa về cơ chế, chính sách và các mô hình giảm nghèo có hiệu quả (Lê Thị Kiều Oanh 2016: 94).

Sáu là, hoàn thiện chính sách an sinh xã hội và phúc lợi xã hội (bảo hiểm xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội) tại

vùng dân tộc thiểu số có tôn giáo, chú trọng thực hiện tốt các chính sách này đối với những khu vực đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc thù (người già cô đơn, tàn tật,...).

Nhà nước Việt Nam đã chú trọng ban hành các quy định pháp luật về thực hiện chính sách an sinh xã hội tại các khu vực thiểu số. Điều 58 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Nhà nước, xã hội đầu tư phát triển sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của nhân dân, thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân, có chính sách ưu tiên chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào ở miền núi, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn” (Hiến pháp Việt Nam năm 2013). Luật Khám chữa bệnh năm 2009 (điều 4) quy định chính sách của Nhà nước về khám chữa bệnh cho đồng bào dân tộc thiểu số, được ưu tiên bố trí ngân sách nhằm đáp ứng nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh cơ bản của nhân dân (Luật khám bệnh, chữa bệnh 2009).

Về định hướng sắp tới, Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về an sinh xã hội, giải quyết căn bản vấn đề phát triển của các dân tộc thiểu số, nhất là đối với các dân tộc thiểu số có tôn giáo. Chính sách, pháp luật về an sinh xã hội bền vững đối với đồng bào dân tộc thiểu số có tôn giáo cần tập trung đầu tư vào chính sách đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; chính sách xây dựng cơ sở hạ tầng (điện, đường, trường học, nhà trẻ, trạm y tế, chợ, các công trình cấp nước sinh hoạt, bưu điện văn hóa) gắn với phát triển kinh tế; chính sách khám chữa bệnh miễn phí; chính sách bảo hiểm, nuôi dưỡng người già; chính sách hỗ trợ di dân, định canh định cư để ổn định sản xuất;... Đặc biệt, đối với đồng bào dân tộc thiểu số có tôn

giáo bị mất đất, cần quan tâm đến chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất (bao gồm kế hoạch hỗ trợ ngắn hạn và dài hạn) để đảm bảo nhu cầu cuộc sống tối thiểu cho người dân. Ở những vùng dân tộc thiểu số có tôn giáo đặc biệt khó khăn, cần rà soát đối tượng thụ hưởng chính sách, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá để có mức hỗ trợ đặc biệt (hỗ trợ cả nhân lực, tài lực và vật lực), giúp người dân cải thiện đời sống. Các chính sách hỗ trợ cần lưu ý đến cơ chế xã hội hóa, huy động tổng hợp tất cả các nguồn lực cho giảm nghèo, an sinh xã hội và phát triển bền vững tại các vùng dân tộc thiểu số có tôn giáo (Phạm Thanh Hằng 2019: 102).

Bấy là, thực hiện chính sách phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, ngăn chặn hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của đồng bào các dân tộc, tôn giáo.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương; tạo chuyển biến về nhận thức và trách nhiệm của cán bộ và đồng bào dân tộc thiểu số trong công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội; ngăn chặn không để tệ nạn xã hội xâm nhập vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số có tôn giáo.

Bên cạnh đó, cần kiên quyết đấu tranh ngăn chặn sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để kích động đồng bào các dân tộc, tôn giáo chống lại đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, hòng “đánh thức” chủ nghĩa “hẹp hòi dân tộc”, “kích hoạt” tâm lý mặc cảm, tự ti dân tộc, đối lập họ với sự lãnh đạo của Đảng, gây chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, làm rối loạn xã hội và mất ổn định an ninh chính trị. Muốn vậy, tại các địa bàn xung yếu về chính trị, an ninh, quốc

phòng, cần quản lý tốt các vấn đề hôn nhân qua biên giới, di cư nội vùng và ngoại vùng, sự biến đổi văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống và sự thâm nhập, phát triển của các tôn giáo ngoại nhập. Nếu có các xung đột trong quan hệ dân tộc/ tộc người với tôn giáo phát sinh cần kịp thời giải quyết và kiểm soát tốt, không để bùng phát thành “điểm nóng” tôn giáo và “điểm nóng” chính trị - xã hội.

4. Kết luận

Giải quyết tốt mối quan hệ dân tộc/tộc người với tôn giáo luôn là mối quan tâm lớn của các nhà nghiên cứu, các nhà lập pháp và các chính phủ. Do sự đa dạng, phong phú về thành phần, cơ cấu, tính chất dân tộc/tộc người, tôn giáo ở Việt Nam, cho nên, mối quan hệ dân tộc/tộc người với tôn giáo chưa bao giờ là vấn đề đơn giản, dễ dàng. Chính sách tốt chưa đủ, tổ chức thực hiện chính sách mới là khâu trọng yếu. Bên cạnh việc triển khai các chính sách về kinh tế, chính trị, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, chính sách xã hội cũng cần được tổ chức triển khai hiệu quả nhằm bảo đảm bình đẳng, đoàn kết dân tộc, tôn giáo; thực hiện tốt các chính sách dân số, lao động, việc làm, giáo dục, y tế; đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo; tăng cường an sinh xã hội và phúc lợi xã hội; thúc đẩy phát triển con người, phát triển xã hội, quản lý và kiểm soát tốt các vấn đề mới nảy sinh trong vùng dân tộc, tôn giáo.

Tài liệu trích dẫn

1. Đỗ Thị Hải Hà, Phạm Hương Thảo. 2020. “Việc làm cho lao động vùng dân tộc ở Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị giải pháp”. *Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương*, 4: 85-87.

2. *Hiến pháp Việt Nam năm 2013*. (<https://thuvienphapluat.vn>). Truy cập ngày 25/01/2024.

3. Lê Thị Kiều Oanh. 2016. “Tăng cường xóa đói, giảm nghèo bền vững với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Quảng Ngãi”, *Tạp chí Tài chính*, 8: 93-94.

4. *Luật Giáo dục sửa đổi năm 2018*, (<https://thuvienphapluat.vn>). Truy cập ngày 25/01/2024.

5. *Luật Khám bệnh, chữa bệnh*, (<https://thukyluat.vn>). Truy cập ngày 25/01/2024.

6. Nguyễn Lâm Thành. 2017. “Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 1+2: 59-66.

7. Nguyễn Thị Tú Oanh. 2022. “Có phải chính sách dân tộc của Việt Nam “phân biệt đối xử” với các dân tộc”, *Tạp chí Khoa học chính trị*, 8: 25-30.

8. Nguyễn Văn Huân. 2018. “Một số khía cạnh trong thực hiện chính sách bảo hiểm y tế ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số hiện nay”, *Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội*, 5: 77-82.

9. *Nhiều giải pháp giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số*, (<http://danvan.vn>). Truy cập ngày 25/01/2024.

10. Phạm Đi. 2017. “Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc của Trung Quốc - Một số gợi ý về chính sách đối với Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, 11: 19-27.

11. Phạm Thanh Hằng. 2019. “Bảo đảm quyền của các dân tộc thiểu số ở Ấn Độ và hàm ý chính sách cho Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, 8: 94-103.

12. Phạm Văn Hồ. 2011. “Thực hiện chính sách xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn Tây Nguyên”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, 7: 46-52.